



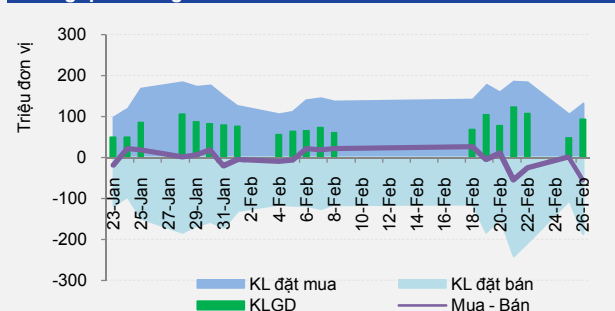
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 26/2/2013

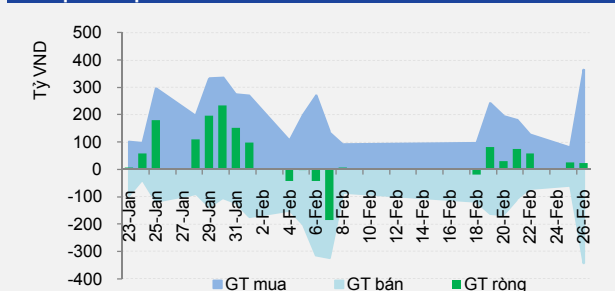
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	465.1	62.0
% Thay đổi	↓ -3.9%	↓ -3.4%
KLGD (CP)	93,966,050	96,295,591
GTGD (tỷ đồng)	1,471.75	770.58
Tổng cung (CP)	185,524,000	140,859,400
Tổng cầu (CP)	131,395,240	106,267,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	8,834,360	4,850,718
KL mua (CP)	8,775,650	1,260,100
GTmua (tỷ đồng)	364.80	16.61
GT bán (tỷ đồng)	341.92	36.63
GT ròng (tỷ đồng)	22.88	(20.02)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -3.64%	7.1	1.4	2.6%
Công nghiệp	↓ -3.66%	16.0	0.9	17.3%
Dầu khí	↓ -4.68%	6.3	1.1	1.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.99%	6.6	1.2	0.9%
Dược phẩm và Y tế	↓ -2.83%	5.9	2.1	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↓ -2.24%	11.9	4.7	18.1%
Ngân hàng	↓ -3.63%	5.8	1.5	12.7%
Nguyên vật liệu	↓ -2.62%	7.4	2.0	11.8%
Tài chính	↓ -5.06%	27.8	3.0	28.2%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -3.01%	8.4	2.7	5.4%
VN - Index	↓ -3.85%	13.0	2.9	66.0%
HNX - Index	↓ -3.40%	19.2	1.4	34.0%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	942,870	1.0%	933,960	1.3%
GTGD (triệu VND)	15,981	1.0%	15,992	1.3%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Sau hai phiên phục hồi với mức tăng nhẹ và khối lượng giao dịch sụt giảm thì thị trường đã tiếp tục có phiên giảm điểm rất mạnh. Với phiên giảm điểm này thì cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index đều đã giảm điểm qua mức hỗ trợ của đường trendline cũng như mức hỗ trợ của đường MA20, là tín hiệu cho thấy xu hướng ngắn hạn dịch chuyển từ tăng điểm sang giảm điểm. Thị trường giảm điểm mạnh cùng với khối lượng giao dịch tăng lên mạnh tiếp tục là tín hiệu không tích cực cho thị trường. Chúng tôi tiếp tục duy trì đánh giá khả năng thị trường sẽ tiếp tục điều chỉnh. Mức hỗ trợ cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm. Mức hỗ trợ cho chỉ số HNX-Index là khu vực 60 điểm

- VN-Index giảm điểm rất mạnh về mức 465.05 điểm, giảm 18.64 điểm tương ứng với mức 3.85% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 90.25 triệu đơn vị, tăng 93.64% so với phiên trước.

- HNX-Index giảm điểm rất mạnh về mức 62.01 điểm, giảm 2.18 điểm tương ứng với mức 3.4% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 91.11 triệu đơn vị, tăng 100.52% so với phiên trước.

- Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp của Việt Nam tháng 2/2013 giảm 10.1% so với cùng kỳ, do tháng 2 trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Tính lũy kế 2 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6.8% so cùng kỳ, có cải thiện khá so với mức 3.9% thời điểm hai tháng đầu năm 2012.

- Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 1/2013 so với cùng kỳ năm trước tăng 24.1% và so với tháng trước tăng 1.1%. Đặc biệt, các ngành có chỉ số tiêu tăng cao so với cùng kỳ bao gồm cả ngành sản xuất xi măng (tăng 53%); sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (tăng 40.5%)... Thời điểm tháng 1/2012 trùng với thời gian nghỉ tết Nguyên đán, do vậy mức độ tăng cao của chỉ số tiêu thụ chưa phản ánh sát tình hình thực tế. Tuy nhiên, diễn biến tăng cao của chỉ số tiêu thụ nhóm vật liệu xây dựng cho thấy với các giải pháp của Chính phủ, ngành vật liệu xây dựng đã bước đầu có những cải thiện o với cùng kỳ. Tình hình tiêu thụ cải thiện giúp chỉ số tồn kho tại thời điểm 01/02/2013 còn tăng 19.9% so với cùng thời điểm năm trước, giảm so với mức 21.5% của ngày 1/1/2013.

- Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng hai tháng đầu năm 2013 khi loại trừ yếu tố giá ước tăng 3.6%, vẫn thấp hơn mức tăng 4.4% cùng thời kỳ năm 2012. Tuy nhiên số liệu về sản xuất công nghiệp, tiêu thụ, tồn kho cải thiện là tín hiệu bước đầu tích cực. Ngân hàng Thế giới dự báo chỉ số sản xuất công nghiệp của Việt Nam năm 2013 sẽ tăng 6%, cao hơn mức tăng 4.8% trong năm 2012.- Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính) đã trình 3 phương án điều chỉnh giá xăng dầu lên Chính phủ. Theo đó, các phương án có tính tới cả việc giảm thuế, tiếp tục trích Quỹ Bình ổn và tăng giá ở mức độ hợp lý. Đến chiều ngày 26/2, Chính phủ vẫn chưa quyết định về phương án cụ thể điều chỉnh giá xăng dầu.

- Theo tính toán của Bộ Tài chính, mỗi lít xăng doanh nghiệp bán ra đang thấp hơn giá cơ sở 1.800 đồng/lít, nếu trừ mức trích quỹ bình ổn 1.000 đồng/lít, doanh nghiệp còn lỗ 800 đồng/lít. Nhiều doanh nghiệp đầu mỗi phải giảm mức hoa hồng chỉ cho đại lý xuống còn trên dưới 200 đồng/lít, trong khi chi phí định mức trong cách tính giá xăng dầu cơ sở là 600 đồng/lít. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều đại lý dừng nhập xăng dầu, gây ra tình trạng khan hiếm. Do vậy, việc điều chỉnh giá xăng dầu dự kiến sẽ sớm diễn ra trong một vài ngày tới. Theo tính toán, nếu giá xăng dầu tăng 1.000 đồng/lít, tác động lên CPI vòng 1 sẽ là khoảng 2%, tác động vòng 2 là 0.3%.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm rất mạnh về mức 465.05 điểm, giảm 18.64 điểm tương ứng với mức 3.85% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm break qua mức kháng cự 490 điểm tuy nhiên tín hiệu break là chưa thực sự thuyết phục khi mà mức tăng không mạnh cũng như chưa có sự ủng hộ của khối lượng. Với tín hiệu break không thuyết phục thì chỉ số VN-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh và sau đó tiếp tục có phiên giảm điểm rất mạnh với khối lượng đột biến.

- Chỉ số VN-Index giảm điểm qua trendline, giảm điểm qua MA20.

Nhận định: Sau hai phiên phục hồi với khối lượng giao dịch sụt giảm thì chỉ số VN-Index đã tiếp tục có phiên giảm điểm rất mạnh. Với phiên giảm điểm này thì chỉ số VN-Index tiếp tục giảm điểm qua đường MA20, là tín hiệu cho thấy xu hướng đã đảo chiều trong ngắn hạn. Chỉ số VN-Index giảm điểm mạnh cùng với khối lượng giao dịch tăng lên mạnh tiếp tục là tín hiệu không tích cực cho chỉ số VN-Index và khả năng chỉ số VN-Index sẽ tiếp tục điều chỉnh. Mức hỗ trợ cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm điểm rất mạnh về mức 62.01 điểm, giảm 2.18 điểm tương ứng với mức 3.4% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch. Khi HNX-Index tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự này. Sau bốn phiên tăng điểm liên tiếp thì chỉ số HNX-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh và sau đó tiếp tục có phiên giảm điểm rất mạnh với khối lượng đột biến.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm qua trendline trung hạn, giảm điểm qua MA20

Nhận định: Sau hai phiên phục hồi với mức tăng nhẹ và khối lượng giao dịch sụt giảm thì chỉ số HNX-Index đã tiếp tục có phiên giảm điểm rất mạnh. Với phiên giảm điểm này thì chỉ số HNX-Index đã giảm điểm qua mức hỗ trợ của trendline cũng như mức hỗ trợ của MA20 là tín hiệu cho thấy xu hướng đã đảo chiều trong ngắn hạn. Chỉ số HNX-Index giảm điểm mạnh cùng với khối lượng giao dịch tăng lên mạnh tiếp tục là tín hiệu không tích cực cho chỉ số HNX-Index. Khả năng chỉ số HNX-Index sẽ tiếp tục điều chỉnh. Mức hỗ trợ cho chỉ số HNX-Index là khu vực 60 điểm.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2014	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường giảm điểm mạnh sau 2 phiên dao động tích lũy với lực cầu yếu. Với phiên giảm điểm này, hai chỉ số index đã giảm qua trendline tăng giá trung hạn thiết lập từ cuối năm 2012, cho tín hiệu xấu về kỹ thuật. Mức hỗ trợ cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm. Mức hỗ trợ cho chỉ số HNX-Index là khu vực 60 điểm. Trong giai đoạn hiện tại, nhà đầu tư nên duy trì trạng thái, chưa nên nóng vội mua vào. Trong trường hợp nhà đầu tư vẫn còn cổ phiếu, thời điểm giảm tỷ trọng hợp lý là phiên thị trường phản ứng kỹ thuật.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu đã tăng giá mạnh nhất kể từ điểm đáy ngày 28/11/2012, 10 mã cổ phiếu có giá trị EPS năm 2012 cao nhất, 10 cổ phiếu hệ số beta cao nhất, để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU ĐÃ TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT GIAI ĐOẠN TỪ 28/11/2012 ĐẾN NAY

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Biến động giá so	Beta	PB	Hàng tồn kho
	QIV/2012											
C32	10	-20.98%	26,345	3,813	17,529	15.12%	23.27%	3.41	400.00%	0.00	0.74	61
NSN	0	-	1,084	-1,972	7,303	-1.98%	-21.12%	-3.50	187.50%	0.81	0.94	0
GTT	-2	4.08%	90,958	28	10,328	0.08%	0.27%	434.48	185.71%	1.68	1.16	5
TKU	16	105.26%	718	62	10,668	0.23%	0.59%	207.07	180.43%	1.34	1.21	151
SCR	-21	456.35%	6,877,215	587	15,693	1.25%	3.80%	15.34	119.51%	2.44	0.57	3,281
SBS	1	17.66%	217,499	-1,067	-1,982	-5.45%	-53.87%	-2.44	116.67%	2.11	-1.31	0
ITA	1	-75.65%	7,152,541	40	13,218	0%	0%	195.55	107.89%	2.07	0.60	3,350
VCG	88	294.95%	2,420,660	220	11,589	0.22%	1.52%	55.98	101.64%	2.08	1.06	7,524
VID	13	186.13%	118,600	284	11,207	0.94%	2.56%	17.60	100.00%	0.71	0.45	70
VBH	0	-38.71%	694	820	11,585	6.53%	6.98%	23.04	98.95%	1.24	1.63	10

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ EPS NĂM 2012 CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Hàng tồn kho
	QIV/2012											
HGM	37	-7.46%	229	21,155	41,833	48.12%	60.02%	4.44	12.72	0.29	2.25	10
TCT	3	12.19%	5,147	16,795	52,747	33.22%	35.86%	5.09	7.81	-0.01	1.62	1
QTC	12	28.09%	4,600	12,570	37,078	16.80%	36.49%	2.55	25.06	0.15	0.86	13
DPR	169	-34.74%	14,363	12,110	50,182	19.92%	25.60%	3.96	4.86	-0.11	0.96	0
CAP	11	19.15%	5,594	12,005	27,429	20.44%	47.30%	3.25	12.72	0.43	1.42	21
TRC	119	-33.40%	2,858	11,613	44,750	23.13%	28.20%	4.05	4.86	0.62	1.05	76
VCF	152	44%	1,168	11,431	36,007	31.14%	36.12%	17.93	12.40	0.23	5.69	238
LHC	9	30.49%	1,865	11,426	40,856	14.48%	30.29%	2.89	25.06	-0.06	0.81	6
SLS	1	#N/A	176	10,330	23,145	26.85%	52.20%	2.23	12.40	0.00	0.99	66
BMP	98	21.34%	37,571	10,231	36,344	27.62%	30.85%	5.03	25.06	0.95	1.42	337

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ HỆ SỐ BETA CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Hàng tồn kho
PSG	-69	-189.14%	205,341	-7,181	468	-19.14%	-176.94%	-0.17	25.06	3.00	2.56	362
PVF	#N/A	#N/A	1,394,161	76	11,074	0.05%	0.67%	149.04	#N/A	2.72	1.02	#N/A
PVL	-5	-933.05%	1,462,344	-530	10,374	-2.81%	-4.98%	-8.11	34.73	2.67	0.41	0
PVX	-669	-578.33%	8,904,200	-3,019	7,967	-5.89%	-36.61%	-2.09	25.06	2.66	0.79	0
PVA	-141	-7417.20%	722,023	-5,810	5,488	-5.74%	-67.35%	-0.98	25.06	2.59	1.04	0
SCR	-21	456.35%	6,877,215	587	15,693	1.25%	3.80%	15.34	34.73	2.44	0.57	3,281
DDM	-31	#DIV/0!	29,488	-5,617	-2,685	-5%	5761%	-0.25	9.83	2.43	-0.52	14
S96	-2	88.97%	149,547	-455	7,503	-1.16%	-5.88%	-8.58	25.06	2.42	0.52	22
CIC	-3	-63.31%	41,252	-1,990	12,545	-2.81%	-13.45%	-1.16	25.06	2.41	0.18	85
SHS	59	108.10%	2,437,120	308	7,753	2.31%	4.06%	22.37	#N/A	2.40	0.89	0

Ghi chú:

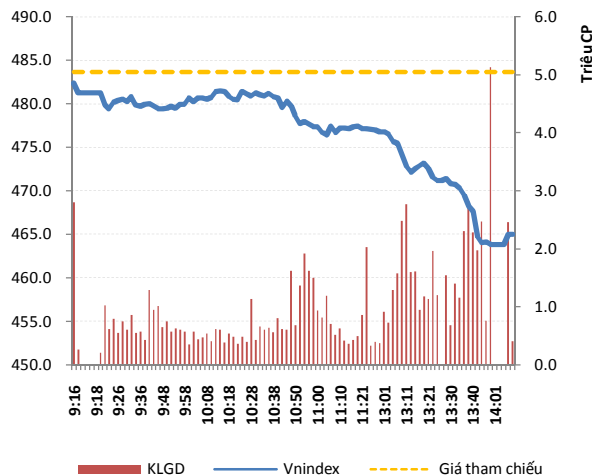
EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

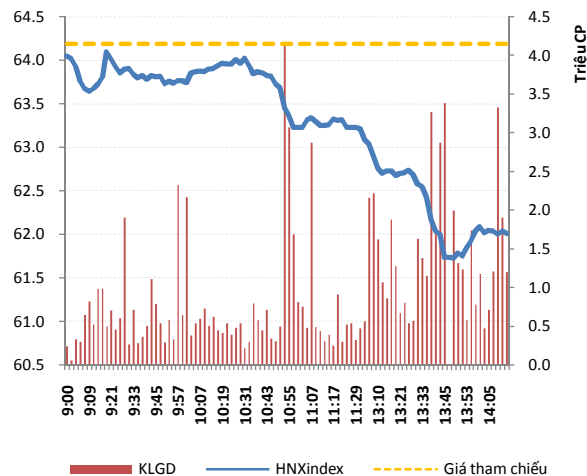
Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 26/02/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

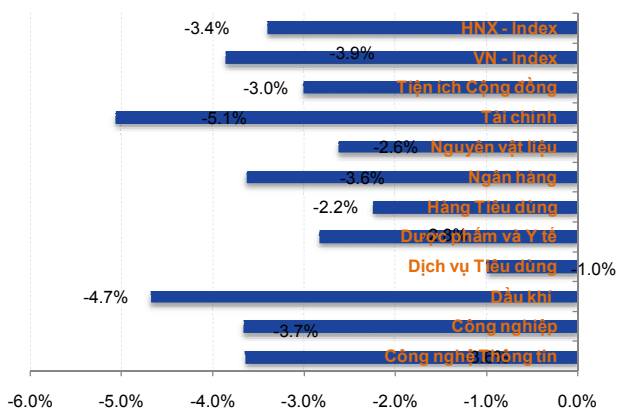
KLGD và VN-Index trong phiên



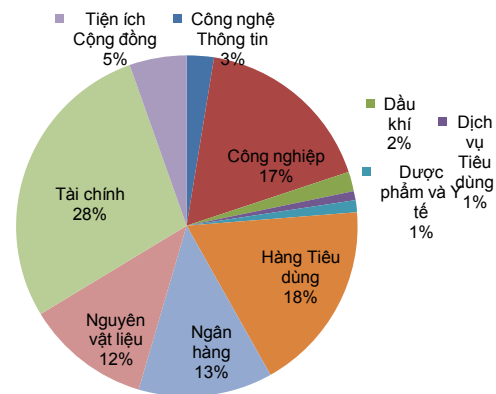
KLGD và HNX-Index trong phiên



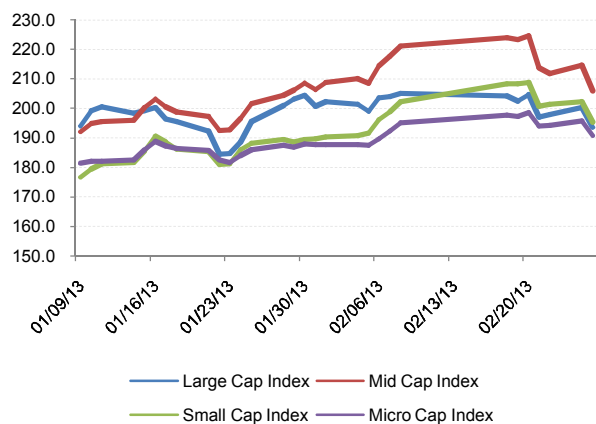
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



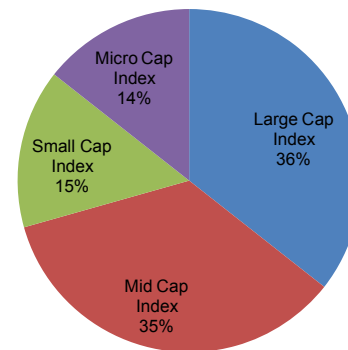
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PET	339,500	CTG	874,810
2	HPG	317,230	PPC	739,720
3	KBC	313,640	EIB	648,000
4	DPM	307,780	ITA	427,990
5	TTF	273,180	VSH	205,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	620,400	SHB	3,489,218
2	VCG	135,900	PVX	780,900
3	EBS	133,900	KLS	190,000
4	DBC	63,500	PGS	93,000
5	SED	23,600	VND	67,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	8.4	7.9	↓ -5.95%	5,482,480
KBC	10.1	9.4	↓ -6.93%	3,316,730
HQC	6.2	5.8	↓ -6.45%	3,269,680
SSI	18.3	17.3	↓ -5.46%	2,774,750
DLG	6.0	5.9	↓ -1.67%	2,754,330

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.7	7.2	↓ -6.49%	22,422,641
PVX	7.0	6.3	↓ -10.00%	11,782,484
SCR	10.0	9.1	↓ -9.00%	10,634,330
KLS	10.3	9.4	↓ -8.74%	5,398,050
VND	10.2	9.4	↓ -7.84%	4,594,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSG	1.1	1.2	0.1	↑ 9.09%
LIX	41.7	44.6	2.9	↑ 6.95%
STG	19.3	20.6	1.3	↑ 6.74%
NBB	25.7	27.4	1.7	↑ 6.61%
VID	4.7	5.0	0.3	↑ 6.38%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HPS	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
L35	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
SVS	3.2	3.5	0.3	↑ 9.38%
QST	9.9	10.8	0.9	↑ 9.09%
HAT	24.0	26.0	2.0	↑ 8.33%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
DRC	40.0	37.2	-2.8	↓ -7.00%
BSI	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
HAR	21.5	20.0	-1.5	↓ -6.98%
BMC	57.5	53.5	-4.0	↓ -6.96%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCM	10.0	9.0	-1.0	↓ -10.00%
DC4	8.0	7.2	-0.8	↓ -10.00%
DHL	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%
L44	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%
NGC	10.0	9.0	-1.0	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	5,482,480	0.3%	40	195.6	0.6
KBC	3,316,730	-10.5%	(1,517)	-	0.7
HQC	3,269,680	2.8%	337	17.2	0.5
SSI	2,774,750	7.8%	1,136	15.2	1.2
DLG	2,754,330	1.1%	112	52.6	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	22,422,641	0.4%	44	163.0	0.7
PVX	11,782,484	-36.6%	(3,019)	-	0.8
SCR	10,634,330	3.8%	587	15.5	0.6
KLS	5,398,050	0.9%	109	86.4	0.7
VND	4,594,400	7.4%	789	11.9	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VSG	↑ 9.1%	-1066.1%	(5,309)	(0.2)	(0.8)
LIX	↑ 7.0%	22.5%	5,475	8.1	1.7
STG	↑ 6.7%	19.5%	2,966	6.9	1.3
NBB	↑ 6.6%	15.3%	9,598	2.9	0.4
VID	↑ 6.4%	2.6%	284	17.6	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HPS	↑ 10.0%	-6.8%	(895)	(6.1)	0.5
L35	↑ 10.0%	4.2%	592	9.3	0.4
SVS	↑ 9.4%	-28.0%	(2,529)	(1.4)	0.4
QST	↑ 9.1%	15.8%	2,234	4.8	0.8
HAT	↑ 8.3%	17.1%	4,051	6.4	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	339,500	15.6%	2,763	5.6	0.9
HPG	317,230	12.5%	2,385	10.0	1.2
KBC	313,640	-10.5%	(1,517)	-	0.7
DPM	307,780	35.1%	7,996	5.3	1.8
TTF	273,180	6.3%	1,046	5.5	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	620,400	17.9%	3,119	4.8	1.1
VCG	135,900	1.5%	220	56.4	1.1
EBS	133,900	20.2%	2,571	3.2	0.6
DBC	63,500	19.2%	5,169	4.1	1.0
SED	23,600	25.1%	3,253	3.0	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	85,275	38.8%	5,173	8.7	3.1
VNM	84,186	41.6%	6,981	14.5	5.4
MSN	78,350	8.7%	2,156	52.9	5.6
VCB	71,608	12.4%	2,238	13.8	1.7
VIC	58,007	18.4%	2,041	30.6	5.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,378	7.5%	988	16.6	1.2
SQC	8,800	12.7%	1,489	53.7	6.4
PVS	6,656	17.9%	3,119	4.8	1.1
SHB	6,380	0.4%	44	163.0	0.7
VCG	5,477	1.5%	220	56.4	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVF	2.60	0.7%	76	149.0	1.0
KBC	2.10	-10.5%	(1,517)	-	0.7
ITA	2.05	0.3%	40	195.6	0.6
BVH	2.02	10.5%	1,835	28.1	2.9
HT1	1.82	0.1%	6	796.4	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	2.54	-36.6%	(3,019)	-	0.8
PVV	2.46	-16.0%	(1,614)	-	0.4
PVL	2.45	-5.0%	(530)	-	0.4
PFL	2.43	-4.7%	(494)	-	0.3
PVA	2.33	-67.4%	(5,810)	-	1.0



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)